

Quyết định giám đốc thẩm

Số: 31/2023/HC-GĐT

Ngày 26/6/2023

V/v khiếu kiện quyết định hành
chính trong lĩnh vực quản lý đất đai

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

HỘI ĐỒNG THẨM PHÁN

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO

- Thành phần Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Ngô Tiến Hùng;

Các Thẩm phán: - Ông Nguyễn Văn Tiến;

- Ông Nguyễn Biên Thùy;

- Ông Trần Hồng Hà;

- Bà Đào Thị Minh Thủy.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Thu Huyền, Thư ký Tòa án nhân dân tối cao.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tối cao: Ông Lê Tiên, Kiểm sát viên
tham gia phiên tòa.

Ngày 26/6/2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tối cao đã mở phiên tòa giám
đốc thẩm xét xử vụ án hành chính về “*Khiếu kiện quyết định hành chính trong
lĩnh vực quản lý đất đai*” giữa các đương sự:

1. **Người khởi kiện:** Ông Lê Văn T, sinh năm 1940;

Cư trú tại 744 Nguyễn Tất T, khóm Cái N, thị trấn Năm C, huyện Năm C,
tỉnh Cà Mau;

Người đại diện hợp pháp của người khởi kiện: Ông Phan Hoàng B, sinh
năm 1959; cư trú tại 196 Trần Hưng Đ, Phường 5, thành phố Cà M, tỉnh Cà Mau,
là người đại diện theo ủy quyền (theo Văn bản ủy quyền ngày 11/6/2018 của ông
Lê Văn T);

2. **Người bị kiện:**

2.1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Cà Mau;

2.2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Năm C, tỉnh Cà Mau;

Người đại diện hợp pháp của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Năm C: Ông Trần Đoàn H, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Năm C, tỉnh Cà Mau, là người đại diện theo ủy quyền (theo Văn bản ủy quyền ngày 22/12/2017 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Năm C).

2.3. Ủy ban nhân dân huyện Năm C, tỉnh Cà Mau.

Địa chỉ: Khu vực 1, Khóm 2, thị trấn Năm C, huyện Năm C, tỉnh Cà Mau.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Bà Diệp Hồng D, sinh năm 1962;

3.2. Ông Đặng Như T1, sinh năm 1962;

Cùng cư trú tại Khóm 2, thị trấn Năm C, huyện Năm C, tỉnh Cà Mau.

3.3. Ông Trần Như Q, sinh năm 1984;

3.4. Bà Phan Thị H1, sinh năm 1987;

Cùng cư trú tại khóm Cái N, thị trấn Năm C, huyện Năm C, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Phần diện tích đất tranh chấp giữa ông Lê Văn T và bà Diệp Hồng D có chiều ngang 10m, dài từ Quốc lộ 1A đến sông Cái N, thị trấn Năm C, huyện Năm C (nay là Thửa đất số 13, Tờ bản đồ số 48, có diện tích 200m² đất).

Ngày 06/7/1986, ông Võ Văn M chuyển nhượng cho ông Lê Văn T hai bang đất rẫy và 01 căn nhà với số tiền 19.000 đồng.

Ngày 29/01/1990, ông Ngô Văn P và bà Trần Thị H2 chuyển nhượng cho bà Diệp Hoàng D chiều ngang 08m đất, dài “*từ tính xuống tới mé sông*”; vị trí: phía Đông giáp lộ xe; phía Tây giáp mé sông sáng; phía Nam và phía Bắc giáp đất của ông Ngô Văn P, với số tiền 24.000.000 đồng; không có công chứng, chứng thực. Ngày 06/8/1996, ông Ngô Văn P tiếp tục chuyển nhượng cho bà D 02m đất chiều ngang với số tiền 8.000.000 đồng.

Ngày 21/10/1993, Ủy ban nhân dân (viết tắt là UBND) huyện Năm C, tỉnh Minh Hải (nay là UBND huyện Năm C, tỉnh Cà Mau) cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Lê Văn T đối với diện tích 15.200 m² đất tại Thửa đất số 240 và diện tích 1000 m² (500 m² đất ở và 500 m² đất vườn) tại Thửa đất số 241, Tờ bản đồ 01, thị trấn Năm C, huyện Ngọc H, tỉnh Minh Hải. Theo Bản đồ đo đạc năm 1992 thì vị trí đất mà gia đình ông T được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đất nằm phía từ Quốc lộ 1A đến kênh thủy lợi.

Ngày 03/01/2006, đại diện ấp Cái N tiến hành lập biên bản về việc chặt cây, cắt nhà trái phép đối với bà Diệp Hồng D với nội dung: “*bà D mua lại phần nền của ông Ngô Văn P với giá 24.000.000 đồng để cất nhà ở, không có loại giấy tờ nào chứng minh đất đã được Nhà nước cấp, kích thước 10m tới sông khai thác*”.

Năm 2010, khi Ban giải phóng mặt bằng kiểm kê đất, tài sản gắn liền với đất để bồi thường, hỗ trợ cho các hộ có đất bị thu hồi thuộc Dự án đường Hồ Chí Minh (đoạn Năm C – Đất M), bà D đứng tên kê khai phần diện tích có chiều ngang 10 m, dài từ Quốc lộ 1A đến sông Cái N để được nhận tiền bồi thường nên ông T có đơn khiếu nại cho rằng diện tích bà D nhận chuyển nhượng của ông P nằm trong phần diện tích đất của ông T nhận chuyển nhượng của ông Võ Văn M năm 1986.

Ngày 20/7/2011, Chủ tịch UBND huyện Năm C ban hành Quyết định số 1196/QĐ-UBND bác yêu cầu đòi lại đất của ông Lê Văn T đối với bà Hiệp Hồng D, phần đất tại khóm Cái N, thị trấn Năm C, huyện Năm C với chiều ngang 10 m, dài từ Quốc lộ 1A đến sông Cái N; vị trí: phía Đông giáp Quốc lộ 1A; phía Tây giáp sông Cái N; phía Nam giáp đất ông Nguyễn Quốc M1 và phía Bắc giáp nhà ông Lê Văn S.

Ngày 24/7/2011, ông T có đơn khiếu nại đối với Quyết định số 1196/QĐ-UBND ngày 20/7/2011 nêu trên.

Ngày 12/11/2013, Chủ tịch UBND tỉnh Cà Mau ban hành Quyết định số 1683/QĐ-UBND bác đơn khiếu nại của ông Lê Văn T; giữ nguyên Quyết định số 1196/QĐ-UBND ngày 20/7/2011.

Trên cơ sở Quyết định 1683/QĐ-UBND, ngày 30/12/2014, UBND huyện Năm C cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà Diệp Hồng D và ông Đặng Như T1 đối với diện tích 200 m² đất tại Thửa đất số 13, Tờ bản đồ số 48, thị trấn Năm C, tỉnh Cà Mau.

Ngày 18/9/2015, ông Đặng Như T1 và bà Diệp Hồng D chuyển nhượng cho ông Trần Như Q và bà Phan Thị H1 diện tích 200m² đất tại Thửa đất số 13 và ngày 06/10/2015, Ủy ban nhân dân huyện Năm C đã cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BX 107994 cho ông Trần Như Q và bà Phan Thị H1.

Ngày 18/10/2016, ông Lê Văn T có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BX 107994 ngày 06/10/2015 do Ủy ban nhân dân huyện Năm C cấp cho ông Trần Như Q và bà Phan Thị H1, hủy Quyết định số 1196/QĐ-UBND ngày 20/7/2011 của Chủ tịch UBND huyện Năm C và Quyết định số 1683/QĐ-UBND ngày 12/11/2013 của Chủ tịch UBND tỉnh Cà Mau; buộc ông Trần Như Q, bà Phan Thị H1 trả lại cho ông diện tích ngang 10 m, dài

20 m tại khóm Cái N, thị trấn Năm C, huyện Năm C (từ Quốc lộ 1A đến sông Cái N) vì cho rằng:

Năm 1976, ông Trần Văn H3 được Nhà nước cấp đất nông nghiệp có chiều ngang 12 tầm (01 tầm 03 m), chiều dài từ Sông Cái N đến kênh Thủy lợi thuộc khóm Cái N, thị trấn Năm C, huyện Năm C. Năm 1982, ông H3 chuyển nhượng diện tích đất nêu trên cho ông Võ Văn M. Năm 1984, lộ đất đen (nay là Quốc lộ 1A) hình thành đã phân chia thửa đất của ông M làm 02 bang đất, bang phía Đông từ Quốc lộ 1A đến kênh thủy lợi, bang phía Tây từ Quốc lộ 1A đến Sông Cái N. Năm 1986, ông H3 chuyển nhượng cho ông 02 bang đất nêu trên. Năm 1993, gia đình ông được UBND huyện Ngọc H cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với phần diện tích từ Quốc lộ 1A đến kênh thủy lợi; phần diện tích từ Quốc lộ 1A đến Sông Cái N gia đình ông vẫn quản lý, sử dụng. Năm 2006, bà Diệp Hồng D đến chặt cây trên diện tích đất gia đình ông đang sử dụng nên ông có báo chính quyền địa phương và đại diện ấp Cái N tiến hành lập biên bản về việc chặt cây của bà D. Việc bà D khai năm 1990, bà D nhận chuyển nhượng đất của ông P là không đúng vì đất của ông P có nguồn gốc là của cụ Ngô Văn P1 được cấp ở vị trí khác nên UBND huyện Năm C cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà D và ông T1 cũng là không đúng.

Tại Văn bản số 1977/UBND-NC ngày 02/10/2017, Ủy ban nhân dân huyện Năm C trình bày:

Hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông T1, bà D và hồ sơ cấp đổi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Q, bà H1 là đúng quy định. Mặt khác, tại thời điểm cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông T1, bà D thì Quyết định số 1196/QĐ-UBND ngày 20/7/2011 của Chủ tịch UBND huyện Năm C và Quyết định số 1693/QĐ-UBND ngày 21/11/2013 của Chủ tịch UBND tỉnh Cà Mau về việc giải quyết tranh chấp đất giữa ông Lê Văn T với bà Diệp Hồng D có hiệu lực thi hành và không còn thời hiệu để khởi kiện theo quy định tại Điều 116 Luật tố tụng hành chính.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan trình bày:

1. Ông Ngô Văn P trình bày: nguồn gốc đất mà ông đã chuyển nhượng cho bà D là của ông Ngô Văn P1 (cha ông) được Nhà nước giao cho cha ông năm 1975, sau đó cha ông cho ông nhà và đất để sử dụng. Năm 1990, ông sang nhượng lại cho bà D.

2. Ông Đặng Như T1 trình bày:

Hiện nay phần đất tranh chấp ông đã chuyển nhượng cho ông Trần Như Q

và bà Phan Thị H1.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 26/2018/HC-ST ngày 16/11/2018, Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau quyết định:

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Lê Văn T về việc yêu cầu:

- *Hủy GCNQSD đất số BX 107994 ngày 06/10/2015 của UBND huyện Năm C cấp cho anh Trần Như Q và chị Phan Thị H1.*

- *Hủy Quyết định số 1196/QĐ-UBND ngày 20/7/2011 của Chủ tịch UBND huyện Căn C về việc giải quyết khiếu nại tranh chấp đất đai giữa ông Lê Văn T với bà Diệp Hồng D.*

- *Hủy Quyết định số 1683/QĐ-UBND ngày 12/11/2013 của Chủ tịch UBND tỉnh Cà Mau về việc giải quyết khiếu nại tranh chấp đất đai giữa ông Lê Văn T với bà Diệp Hồng D.*

Đối với yêu cầu buộc anh Trần Như Q, chị Phan Thị H1 trả lại cho ông quyền sử dụng đất tranh chấp có diện tích ngang 10 m, dài 20 m tọa lạc khóm Cái N, thị trấn Năm C, huyện Năm C, tỉnh Cà Mau không thuộc phạm vi xử lý trong vụ án hành chính này và không chấp nhận các yêu cầu trên nên cũng không có cơ sở chấp nhận yêu cầu này của ông T.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về án phí và quyền kháng cáo của đương sự.

Ngày 29/11/2018, ông Lê Văn T có đơn kháng cáo đối với Bản án hành chính sơ thẩm nêu trên.

Tại Bản án hành chính phúc thẩm số 28/2020/HC-PT ngày 19/02/2020, Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh quyết định:

Chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Lê Văn T. Sửa Bản án hành chính sơ thẩm số 26/2018/HC-ST ngày 16/11/2018 của Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Lê Văn T.

- *Hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BX 107994 ngày 06/10/2015 của UBND huyện Năm C cấp cho anh Trần Như Q, chị Phan Thị H1.*

- *Hủy Quyết định số 1196/QĐ-UBND ngày 20/7/2011 của Chủ tịch UBND huyện Năm C về việc giải quyết tranh chấp đất đai giữa ông Lê Văn T với bà Diệp Hồng D.*

- *Hủy Quyết định số 1683/QĐ-UBND ngày 12/11/2013 của Chủ tịch UBND tỉnh Cà Mau về việc giải quyết tranh chấp đất đai giữa ông Lê Văn T với bà Diệp*

Hồng D.

Ngoài ra, Tòa án cấp phúc thẩm còn quyết định về án phí phúc thẩm.

Ngày 16/03/2020, bà Phan Thị H1 có đơn đề nghị Chánh án Tòa án nhân dân tối cao và Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao kháng nghị theo thủ tục giám đốc thẩm đối với Bản án hành chính phúc thẩm nêu trên.

Tại Quyết định kháng nghị giám đốc thẩm số 10/2023/KN-HC ngày 27/12/2022, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao kháng nghị đối với Bản án hành chính phúc thẩm số 28/2020/HC-PT ngày 19/02/2020 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh; đề nghị Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao xét xử giám đốc thẩm hủy Bản án hành chính phúc thẩm số 28/2020/HC-PT ngày 19/02/2020 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh; giao hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm lại theo đúng quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa giám đốc thẩm, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tối cao đề nghị Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao chấp nhận kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Tại Biên bản làm việc ngày 25/7/2012 và ngày 06/6/2013 của Thanh tra Sở Xây dựng tỉnh Cà Mau, ông Trần Văn H3 xác nhận: năm 1976, ông được tạm cấp một phần đất với chiều ngang 12 tầm, chiều dài 15 công từ sông Cái N đến kênh cỏ (nay là kênh thủy lợi), hai bên giáp đất ông Lâm Sùng L và ông Ngô Văn H4, vợ là Nguyễn Thị N (bà Út H), việc cấp đất ông không nhớ là có giấy tờ hay không; người cấp đất cho ông là ông Trần Tấn L1, ông Trịnh Công K và bà Năm P2. Theo Bản đồ đo đạc năm 1992 thì phần đất của ông Ngô Văn H4 là Thửa số 236 và Thửa đất số 237 cách Thửa đất số 240 và Thửa đất số 241 của ông T (phần diện tích được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất năm 1993) bởi Thửa số 238 và Thửa đất số 239 của ông Trương Văn T2 và nằm ở vị trí cùng phía với thửa đất của ông T từ Quốc lộ 1A đến Kênh thủy lợi. Mặt khác, ông Trịnh Công K xác nhận: “năm 1975, tôi trưởng Tài chánh xã, Phó Chủ tịch xã Năm C (nay là thị trấn Hàng V, Đất M, Hàm R) có cấp hàng đáy cho ông 8 P1, còn ông Ngô Văn P là con sau thời gian 8 P1 cho con. Còn phần đất vợ út H4 sau này cấp đất từ mé lộ trở vô, không có dưới mé...”. Ông Trần Tấn L1 (Tám Đ) xác nhận nội dung: “có cấp cho vợ chồng Út H4 phần đất ở trên lộ, nhưng khu vực dưới mé sông là không có. Khu vực ở dưới mé sông tôi có cấp cho ba hộ gồm có: 1. Trần Văn Q; 2. Ngô Văn P1, 3. Ngô Văn S1 một miếng đáy và 1 phần

đất chung để phơi tôm là 50 tầm”. Do đó, có căn cứ để khẳng định năm 1976 ông H3 không được cấp đất có vị trí từ sông Cái N đến kênh thủy lợi. Năm 1982, ông H3 chuyển nhượng cho ông Võ Văn M (không có giấy tờ chuyển nhượng).

[2] Ngày 06/7/1986, ông Võ Văn M sang nhượng cho ông T hai bang rẫy và một căn nhà với số tiền 190.000 đồng, không thể hiện vị trí và diện tích thửa đất. Cùng ngày, ông T có Đơn xin lãnh đất gửi Ban chính quyền ấp Cái N đề nghị cho phép gia đình ông T lãnh hai bang rẫy của ông M để đảm bảo cuộc sống, tuy nhiên Đơn xin lãnh đất này không thể hiện diện tích và vị trí thửa đất, không có xác nhận của Ban nhân dân ấp Cái N.

[3] Tại Báo cáo số 249/BC-TNMT ngày 27/9/2017 của Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện Năm C thể hiện: *“phần đất dưới sông Cái N chia làm 03 thửa: Thửa số 230, Tờ bản đồ số 01, diện tích 1.150 m² do ông P1 quản lý, sử dụng; Thửa đất số 231, Tờ bản đồ số 01, diện tích 2.700 m² đất do Nhà nước quản lý; Thửa đất số 243, Tờ bản đồ số 01, diện tích 970 m² đất do Ban nhân dân ấp Cái N quản lý. Như vậy, ông T chỉ được quản lý, sử dụng phần đất từ Quốc lộ 1A đến kênh thủy lợi và đã được Nhà nước thừa nhận bằng việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vào năm 1993, còn phần đất phía dưới (từ Quốc lộ 1A đến sông Cái N) thì không thuộc quyền quản lý, sử dụng của ông T”*.

Như vậy, ông T không có tài liệu, chứng cứ chứng minh năm 1976 ông H3 được cấp đất có vị trí từ sông Cái N đến kênh thủy lợi. Năm 1982, ông H3 chuyển nhượng lại cho ông M và năm 1986, ông M chuyển nhượng lại cho ông T cũng không thể hiện vị trí và diện tích thửa đất. Quá trình sử dụng đất ông T kê khai, đăng ký và đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tại vị trí từ Quốc lộ 1A đến kênh thủy lợi (Thửa đất số 241 và Thửa đất số 240, Tờ bản đồ số 01, thị trấn Năm C, huyện Ngọc H, tỉnh Minh Hải); phần diện tích từ Quốc lộ 1A đến sông Cái N ông T không kê khai, đăng ký và không thực hiện nghĩa vụ tài chính đối với Nhà nước. Ông T không có một trong các loại giấy tờ về quyền sử dụng đất theo quy định tại Điều 50 Luật Đất đai năm 2003 nên việc ông T chỉ đặt lú, bắt tôm cá, trồng cây đước để cải thiện đời sống và làm chỗ đậu tàu thuyền ở vị trí từ Quốc lộ 1A đến sông Cái N không phải là căn cứ xác lập quyền sử dụng đất hợp pháp của ông T.

[4] Phần diện tích đất ngang 10m, dài từ Quốc lộ 1A đến sông Cái Nai mà bà D nhận chuyển nhượng của ông P, bà H2 năm 1990 có nguồn gốc là của cụ Ngô Văn P1 (cha của ông Ngô Văn P) được cấp đất năm 1975. Năm 1976, cụ P1 cho ông P phần diện tích đất nêu trên. Năm 1976, ông P chuyển nhượng lại cho bà D tổng cộng hai lần có chiều ngang 10m, chiều dài từ Quốc lộ 1A đến sông

Cái N. Năm 2010, khi Nhà nước thực hiện Dự án đường Hồ Chí Minh, bà D kê khai phần diện tích ngang 10m để nhận tiền bồi thường.

Như vậy, xét về nguồn gốc đất thì bà D có nguồn gốc đất rõ ràng hơn ông T, quá trình sử dụng đất bà D có kê khai, đăng ký với cơ quan Nhà nước có thẩm quyền. Trong khi đó, ông T không có quyền sử dụng hợp pháp đối với phần diện tích đất tranh chấp nên ngày 20/7/2011, Chủ tịch UBND huyện Năm C ban hành Quyết định số 1196/QĐ-UBND và ngày 12/11/2013, Chủ tịch UBND tỉnh Cà Mau ban hành Quyết định số 1683/QĐ-UBND bác yêu cầu đòi lại đất của ông Lê Văn T đối với bà Diệp Hồng D là có căn cứ. Ngày 30/12/2014, UBND huyện Năm C cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà Diệp Hồng D và ông Đặng Như T1 đối với diện tích 200m² đất tại Thửa đất số 13, Tờ bản đồ số 48, thị trấn Năm C là đúng quy định. Sau khi được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, bà D và ông T chuyển nhượng toàn bộ diện tích đất trên cho ông Trần Như Q và bà Phan Thị H1 và ngày 06/10/2015, bà H1, ông Q được UBND huyện Năm C cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là đúng quy định tại điểm c khoản 1 Điều 99 và Điều 188 Luật Đất đai năm 2013.

[5] Tòa án cấp sơ thẩm xử không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Lê Văn T là đúng quy định của pháp luật. Tòa án cấp phúc thẩm cho rằng: mặc dù ông T không có các giấy tờ hợp lệ xác định nguồn gốc, chưa đăng ký, kê khai đất nhưng diện tích đất ông T tranh chấp với bà D có nguồn gốc rõ ràng, ông T có quá trình sử dụng đất liên tục, ổn định cho đến khi có tranh chấp với bà D; từ đó xử hủy Quyết định số 1196/QĐ-UBND ngày 20/7/2011, Quyết định số 1683/QĐ-UBND ngày 12/11/2013 nêu trên và hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do UBND huyện Năm C cấp cho ông Trần Như Q và bà Phan Thị H1 là không đúng quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm a khoản 2 Điều 266; Điều 271; khoản 3 Điều 272 và khoản 2 Điều 274 Luật tổ tụng hành chính năm 2015;

1. Chấp nhận Quyết định kháng nghị giám đốc thẩm số 10/2023/QĐ-VKS-HC ngày 27/12/2022 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao đối với Bản án hành chính phúc thẩm số 28/2020/HC-PT ngày 19/02/2020 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Hủy Bản án hành chính phúc thẩm số 28/2020/HC-PT ngày 19/02/2020 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh; giao hồ sơ vụ án cho

Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm lại theo đúng quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- Chánh án TANDTC (để báo cáo);
- Viện trưởng VKSNDTC (để biết);
- TANDCC tại Thành phố Hồ Chí Minh (kèm hồ sơ vụ án);
- TAND tỉnh Cà Mau;
- Cục THADS tỉnh Cà Mau;
- VKSND tỉnh Cà Mau;
- Các đương sự (theo địa chỉ);
- Lưu: Vụ GĐKT III (2), VP (TANDTC),
Vụ PC&QLKH (TANDTC), Thư ký Thẩm
phán, HSVA, THS.

**TM. HỘI ĐỒNG THẨM PHÁN
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Ngô Tiến Hùng